

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 08/2022/DSST

Ngày 06/4/2022.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng huê hụi”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vinh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Mai Thu;

2. Ông Y Đưng Knul.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn tham gia phiên tòa:* Ông Y Rin Niê Kdăm – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng huê hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T - Sinh năm 1962

Trú tại: Thôn 11, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Đồng bị đơn:

+ Bà Nguyễn Thị V – Sinh năm 1962

Trú tại: Thôn 11, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Th – Sinh năm 1965

Trú tại: Thôn 05, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2021, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày:

Bà và bà Nguyễn Thị V có mối quan hệ cùng thôn, xóm nên hay chơi với nhau, còn bà Th là em gái bà V nên biết bà Th thông qua bà V.

Do chỗ quen biết cùng thôn với nhau nên chúng tôi tổ chức chơi huê hụi, hình thức bốc thăm tự nguyện ai hót cao hơn thì được lấy tiền trước. Trong một tháng chơi nhiều dây, mỗi dây là 02 chân; có dây chơi 500.000đồng và có dây chơi 1.000.000đồng. Trong dây 500.000đồng người nào chơi 02 chân, thì mỗi tháng đóng

1.000.000đồng. Dây 1.000.000đồng người nào chơi 02 chân, thì mỗi tháng đóng 2.000.000đồng.

Dây thứ nhất ngày 20/4/2020 bà Nguyễn Thị Th chơi 02 chân mỗi tháng bà Th đóng 2.000.000đồng, bà Th trực tiếp chơi và hốt 02 chân này. Dây này còn 07 tháng bà Th chưa đóng, thành tiền là 14.000.000đồng.

Dây thứ 02, ngày 25/11/2020 chơi 500.000đồng. Bà Nguyễn Thị Th và bà Nguyễn Thị V chơi mỗi người hai chân, mỗi tháng bà V và bà Th đóng mỗi người 1.000.000đồng (bà V là người ghi hộ cho bà Th), riêng bà V đã đóng đủ tiền. Bà V trực tiếp hốt hụi cho bà Th, dây này còn 11 tháng bà Th chưa đóng, thành tiền là 11.000.000đồng.

Dây thứ 03, ngày 13/01/2021 chơi 1.000.000đồng. Bà Nguyễn Thị Th và bà Nguyễn Thị V chơi mỗi người hai chân, mỗi tháng bà V và bà Th đóng mỗi người 2.000.000đồng (bà V là người ghi hộ cho bà Th), chân bà V đã đóng đủ tiền. Bà V hốt hụi và đóng hụi cho bà Th, dây này còn 07 tháng bà Th chưa đóng, thành tiền là 14.000.000đồng.

Dây thứ 04, ngày 10/4/2021 chơi 1.000.000đồng. Bà Nguyễn Thị Th và bà Nguyễn Thị V chơi mỗi người hai chân, mỗi tháng bà V và bà Th đóng mỗi người 2.000.000đồng (bà V là người ghi hộ cho bà Th), chân bà V đã đóng đủ tiền. Bà V hốt hụi và đóng hụi cho bà Th, khi hốt tôi có gọi điện cho bà Th, còn bà V có đưa lại tiền cho bà Th hay không thì bà không biết. Dây này còn 12 tháng bà Th chưa đóng, thành tiền là 24.000.000đồng.

Đối với dây ngày 20/4/2020 bà Th cùng chồng là ông Lê Văn S đã thỏa thuận trả, và đã trả được 4.000.000đồng, còn nợ lại 10.000.000đồng hẹn đến ngày 20/5/2022 trả hết, tôi đã đồng ý và có đơn đề nghị rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 14.000.000đồng.

Riêng dây ngày 25/11/2020, ngày 13/01/2021 và ngày 10/4/2021 tổng số tiền nợ là 49.000.000đồng (bà V hốt hụi cho bà Th), tôi đã nhiều lần yêu cầu bà Th đóng tiền hụi nhưng bà Th nói bà V là người hốt hụi thì bà V chịu; tôi đề nghị bà V trả thì bà V nói hốt hụi giúp cho bà Th nên bảo bà Th trả.

Mỗi lần chơi hụi trong các dây nói trên thì bà Nguyễn Thị Th không trực tiếp đến, chỉ gọi điện thoại nói là có tham gia chơi, đến khi hốt hụi thì bà V bỏ hụi và lấy tiền hụi giùm, tôi gọi điện bà Th đồng ý, tôi mới đưa tiền cho bà V. Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ trả cho tôi 49.000.000đồng tiền hụi. Bà Th và bà V là hai chị em ruột với nhau, khi hốt hụi tôi đưa tiền cho bà V. Việc đưa tiền qua lại giữa bà V và bà Th như thế nào thì tôi không biết, hai chị em họ tự giải quyết với nhau.

- Bi đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà Nguyễn Thị Th là em gái, còn bà T có mối quan hệ cùng thôn, xóm nên hay chơi với nhau. Bà T làm chủ huê hụi, mỗi lần chơi huê thì bà T thông báo ai chơi thì

tham gia. Do có nhiều người tham gia nên hình thức bốc thăm tự nguyện ai hốt cao hơn thì được lấy tiền trước, sau đó thì đóng hui chết.

Tôi và bà Th tham gia chơi nhiều dây: Dây thứ nhất ngày 25/11/2020 chơi 500.000đồng. Tôi và bà Nguyễn Thị Th chơi mỗi người hai chân, mỗi tháng đóng mỗi người 1.000.000đồng. Bà Th nhờ tôi trực tiếp hốt hui cho bà Th, được 6.855.000đồng, sau đó đóng huê chết cho bà T hết 6.000.000đồng còn 855.000đồng đưa qua cho bà Th.

Dây thứ 02, ngày 13/01/2021 chơi 1.000.000đồng. Tôi và bà Nguyễn Thị Th chơi mỗi người hai chân. Bà Th nhờ tôi hốt hui cho bà Th, sau đó đóng huê chết cho bà T còn lại bao nhiêu tôi đưa qua cho bà Th.

Dây thứ 03, ngày 10/4/2021 chơi 1.000.000đồng. Tôi và bà Nguyễn Thị Th chơi mỗi người hai chân. Bà Th cũng nhờ tôi hốt hui cho bà Th, sau đó đóng huê chết cho bà T còn lại 3.240.000đồng tôi đưa qua cho bà Th. Mỗi lần hốt huê thì bà Th đều nhờ tôi hốt giùm và ký vào sổ của bà T, số tiền hốt được tôi đóng huê chết cho bà T, còn lại giao cho bà Th.

Tôi là người hốt hui giúp cho bà Th, mỗi lần hốt hui thì bà T trừ hết tiền huê chết còn lại bà T mới đưa cho tôi đưa cho bà Th. Số tiền 49.000.000đồng này là bà Th nhờ tôi hốt nên đã nợ các chân huê hốt trước đó (huê chết) nên tôi đề nghị bà Th phải có trách nhiệm trả cho bà T.

- Bi đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: Tôi với bà V có mối quan hệ họ hàng, bà V là chị gái của tôi, còn bà T là chủ huê hui, tôi biết bà T thông qua bà V. Từ trước đến nay tôi không biết chơi huê hui là như thế nào, bà Nguyễn Thị V lên nhà rủ tôi tham gia chơi cùng, tôi chỉ tham gia chơi hui một dây vào ngày 20/4/2020, tôi tham gia chơi 02 chân, mỗi chân một tháng đóng 1.000.000đồng; hai chân mỗi tháng đóng 2.000.000đồng. Dây này tôi còn nợ lại 7 tháng chưa đóng tiền huê cho bà T, với số tiền là 14.000.000đồng.

Ngoài dây hui ngày 20/4/2020 ra thì tôi không tham gia chơi dây hui nào khác. Tôi không tham gia chơi các dây hui ngày 25/11/2020, ngày 13/01/2021 và ngày 10/4/2021.

Tôi không nhờ bà V chơi hui, hốt hui và đóng hui như bà V và bà T trình bày, chữ ký trong các dây hui là của bà V nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà V phải có trách nhiệm đóng tiền hui cho bà T. Tôi không chơi các dây hui này nên tôi không liên quan.

Tôi chỉ còn nợ một dây hui 07 tháng chưa đóng, thành tiền là 14.000.000 đồng, ngày 14/01/2022 chồng tôi là ông Lê Văn S đã thỏa thuận với bà T trả nợ, và đã trả được 4.000.000đồng, còn nợ lại 10.000.000đồng hẹn đến ngày 20/5/2022 trả hết số tiền, bà T đã đồng ý và rút yêu cầu khởi kiện.

Việc bà V tự tham gia chơi hụi, hơn nữa trong sổ ghi hụi của bà T thì bà V là người hốt hụi, đóng hụi nên bà V có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 49.000.000đồng của các dây hụi còn nợ.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/3/2022 các đương sự không thống nhất được với nhau về số nợ, thời gian và phương thức trả nợ, hơn nữa bà V cho rằng số tiền huê nợ 49.000.000đồng là của bà Nguyễn Thị Th, bà chỉ là người nhận thay nên việc hoà giải không thành. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ trả nợ cho bà Bùi Thị T số tiền 49.000.000 đồng (Bốn mươi chín triệu đồng) và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét các giấy ghi tiền hụi lập ngày 20/4/2020, ngày 25/11/2020, ngày 13/01/2021 và ngày 10/4/2021 giữa bà Bùi Thị T, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Th và một số người tham gia chơi trong các dây hụi, xuất phát từ việc bà T, bà V, bà Th thỏa thuận tham gia chơi huê, hụi. Quá trình tham gia chơi hụi, bà V, bà Th không thực hiện đóng tiền hụi như đã thỏa thuận cho bà T, do đó các bên phát sinh tranh chấp thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng huê hụi” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 471 Bộ luật dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp, xét yêu cầu của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện ngày 23/12/2021 bà Bùi Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Th trả số tiền 14.000.000đồng, bà Nguyễn Thị V trả 49.000.000đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, ngày 14/01/2022 bà Bùi Thị T và bà Nguyễn Thị Th, ông Lê Văn S (chồng bà Th) đã thỏa thuận được với nhau về việc bà Th và ông S có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 14.000.000đồng, sau đó bà T làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi với số tiền 14.000.000đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là tự nguyện nên cần chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà bà T đã rút là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Bùi Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị V trả 49.000.000 đồng tiền huê hụi.

Quá trình giải quyết tại Tòa án bà Nguyễn Thị V cho rằng, bà Nguyễn Thị Th là em gái, trong quá trình tham gia chơi hụi bà Th gọi điện nhờ bà ghi hụi, hốt hụi và đóng hụi cụ thể các dây hụi ngày 25/11/2020, ngày 13/01/2021 và ngày 10/4/2021 tổng số tiền nợ là 49.000.000 đồng (bốn mươi chín triệu đồng).

[3.1] Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Th chỉ thừa nhận tham gia chơi 02 chân hụi do bà T làm chủ và còn nợ bà T 07 tháng chưa đóng, số tiền 14.000.000 đồng, ngày 14/01/2022 giữa bà và bà T đã thỏa thuận giải quyết xong.

Đối với số tiền 49.000.000 đồng bà V cho rằng bà nhờ bà V ghi hụi, hốt hụi và đóng hụi là không đúng, bà không tham gia chơi trong các dây hụi này, bà V cũng không đưa tiền cho bà nên đề nghị bà V có nghĩa vụ trả cho bà T 49.000.000 đồng tiền hụi.

[3.2] Hội đồng xét xử nhận thấy trong giấy ghi tiền các dây hụi lập ngày 25/11/2020, ngày 10/3/2021 và ngày 10/4/2021 bà Nguyễn Thị V là người ghi hụi, hốt hụi cho bà Th, số tiền nợ trong các dây hụi là 49.000.000 đồng. Việc bà V khai hốt hụi dùm sau đó đưa tiền lại cho bà Th nhưng không có giấy tờ gì chứng minh và bà Th cũng không thừa nhận.

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản đối chất của các đương sự, có đủ căn cứ xác định bị đơn bà Nguyễn Thị V còn nợ bà Bùi Thị T 49.000.000 đồng là có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị T 49.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

[4] Xét thấy bà Nguyễn Thị V cho rằng số tiền 49.000.000 đồng nợ trong các dây hụi mà bà hốt hụi dùm cho bà Th và đã đưa tiền cho bà Th, thì bà phải cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh và yêu cầu bà Th trả lại cho bà. Nếu bà Th không đồng ý trả thì bà có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bà T không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, khoản 5 Điều 177, Điều 203 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị T số tiền 49.000.000đồng (bốn mươi chín triệu đồng).

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T đối với số tiền 14.000.000đồng đã rút.

Về án phí dân sự: Buộc bà Nguyễn Thị V phải nộp 2.450.000 đồng (hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Bùi Thị T 1.575.000 đồng (một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: 0002536 ngày 04/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

“ Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- VKS huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Vinh Tuấn

